

VĂN HOÁ LẬP HIẾN VIỆT NAM: CƠ SỞ VÀ PHÁC THẢO CHÂN DUNG

Bùi Ngọc Sơn*

I. CƠ SỞ VĂN HOÁ LẬP HIẾN VIỆT NAM

Hơn 200 năm trở lại đây, loài người đã sáng tạo ra một công cụ đặc biệt để tổ chức đời sống cộng đồng của mình. Đó là hiến pháp. Nếu như văn hoá được hiểu là *lối sống* (mode de vie), là *nếp sống* (train de vie), tập thể và cá nhân¹, văn hoá biểu hiện thành kiểu lựa chọn riêng của cá nhân hay tộc người, khác với kiểu lựa chọn của cá nhân hay tộc người khác², thì việc con người lựa chọn hiến pháp để tổ chức đời sống cộng đồng của mình có thể được gọi là văn hoá lập hiến của nhân loại. Vì lẽ sinh tồn, vì tự do và chính nghĩa chung, con người đã tạo ra hiến pháp để tổ chức và điều hành xã hội. Sử dụng hiến pháp để tổ chức chính quyền là một nét văn hoá đặc trưng của nhân loại. Hiến pháp là một hiện tượng văn hoá. Hơn nữa, nó còn trở thành một giá trị chung của nền văn minh nhân loại. Vì sau khi ra đời ở Mỹ vào năm 1887, hiến pháp đến hiện nay đã có sức lan toả trên quy mô toàn thế giới. Đa số các chính quyền trên thế giới hiện nay được điều hành bằng hiến pháp hoặc cam kết sẽ điều hành bằng hiến pháp.

Sử dụng hiến pháp để điều hành chính quyền là giá trị văn hoá chung của nhân loại. Văn hoá lập hiến biểu hiện cụ thể ở kiểu lựa chọn cách thức tổ chức và điều hành chính quyền. Kiểu lựa chọn đó có thể được xem xét trên phạm vi toàn thế giới, từng khu vực, và từng quốc gia.

Người ta có thể cũng nói đến văn hoá lập hiến của từng khu vực. Cũng là sử dụng hiến pháp để điều tiết chính quyền nhưng cách điều hành chính quyền bằng hiến pháp ở châu Mỹ khác châu Âu, biểu hiện thành hai kiểu lựa chọn đặc trưng của hai châu lục: văn hoá lập hiến của châu Mỹ biểu hiện thành kiểu lựa chọn mô hình tổng thống chế trong khi văn hoá lập hiến của châu Âu biểu hiện thành mô hình nội các chế.

Hơn nữa, người ta cũng có thể nói đến văn hoá lập hiến của từng loại chế độ xã hội: văn hoá lập hiến của các nhà nước tư bản khác văn hoá lập hiến của các nhà nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Ví dụ, trong khi văn hoá lập hiến tư bản nhìn chính quyền là một tổ chức cần phải được kiểm soát quyền lực của nó thì văn hoá lập hiến xã hội chủ nghĩa nhìn chính quyền là một công cụ trấn áp của một giai cấp này đối với một giai cấp khác.

Đi sâu hơn, văn hoá lập hiến cũng có thể được nhìn nhận ở từng quốc gia. Văn hoá lập hiến của một quốc gia biểu hiện ở kiểu lựa chọn cách thức tổ chức và điều hành chính quyền của quốc gia đó. Một quốc gia có thể đạt đến một kiểu văn hoá lập hiến đặc thù. Ví dụ, cũng đều là lựa chọn mô hình nội các chế, nhưng Pháp đi theo một cách lựa chọn mô hình chính quyền khác đa số các nước châu Âu còn lại: nội các chế của Pháp là nội các song hợp trong khi đa số các nước còn lại của châu Âu theo mô hình nội các đơn nhất. Không phải quốc gia nào có hiến pháp cũng có văn hoá lập hiến của đất nước mình. Một quốc gia mới thành lập và đi vào lập hiến thì chỉ có thể nói là đã biết sử dụng đến văn hoá lập hiến với tính chất là giá trị chung của nhân loại chứ chưa có văn hoá lập hiến của dân tộc, quốc gia mình. Văn hoá dân tộc có đặc trưng là có một bề dày tồn tại và do vậy, tạo nên sắc thái riêng của dân tộc đó. Văn hoá là cái làm

* Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội

¹Trần Quốc Vương, *Văn hoá Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, NXB Văn hoá dân tộc và Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, H, 2000, tr87.

² Phan Ngọc, *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Văn học, H, 2002, tr19-20.

cho dân tộc này khác với một dân tộc khác. Vậy, một dân tộc chỉ có văn hoá lập hiến của riêng mình khi đã biết sử dụng hiến pháp để điều hành chính quyền trong một thời gian nhất định, và tạo nên những nét đặc trưng riêng của văn hoá lập hiến của dân tộc mình.

Có rất nhiều yếu tố tác động đến sự hình thành văn hoá lập hiến của một dân tộc. Trước hết là truyền thống văn hoá của dân tộc đó. Để tổ chức ra một chính quyền hoạt động có hiệu quả, quốc gia phải biết tổ chức chính quyền phù hợp với những đặc trưng văn hoá của quốc gia mình, nhất là truyền thống văn hoá chính trị. Văn hoá hiện đại của một dân tộc cũng tác động đến việc hình thành sắc thái riêng của văn hoá lập hiến của một dân tộc. Ngoài yếu tố văn hoá truyền thống và hiện đại, chế độ kinh tế- xã hội, đặc thù về địa lý, hoàn cảnh kinh tế- xã hội cũng tác động to lớn đến văn hoá lập hiến của một quốc gia.

Việt Nam đã sử dụng hiến pháp để tổ chức nhà nước trong 60 năm nay. So với các quốc gia có nền lập hiến sớm hơn thì đây không phải là một khoảng thời gian dài. Tuy nhiên, 60 năm qua cũng là một khoảng thời gian cần thiết cho việc định hình những sắc thái riêng của văn hoá lập hiến Việt Nam. Do vậy, người ta có thể nói đến văn hoá lập hiến Việt Nam- văn hoá lập hiến của dân tộc Việt Nam. Nói đến văn hoá lập hiến Việt Nam không phải là nói đến bản thân hiến pháp chính văn hiện hành mà nói đến kiểu lựa chọn riêng của Việt Nam trong việc tổ chức và điều hành chính quyền bằng hiến pháp.

Có nhiều yếu tố tác động đến sự hình thành văn hoá lập hiến Việt Nam. Nhưng, có thể nói đến hai yếu tố quan trọng nhất: một yếu tố thuộc về truyền thống và một yếu tố thuộc về hiện đại. Đó là truyền thống văn hoá chính trị của dân tộc và văn hoá chính trị xã hội chủ nghĩa. (Các yếu tố khác như chiến tranh, cơ chế tập trung bao cấp...)

Truyền thống là những gì hình thành trong quá khứ được lưu giữ và chi phối vô hình đến hiện tại. Truyền thống là sức sống mãnh liệt của quá khứ trong hiện tại, tác động

phổ quát đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng nói đến truyền thống văn hoá chính trị là chỉ nói đến những truyền thống liên quan đến vấn đề nhà nước. Truyền thống văn hoá chính trị của dân tộc hình thành dần dần và còn tác động, phản chiếu trong đời sống chính trị hiện đại của dân tộc, trong đó có sự chi phối đối với quá trình lập hiến.

Đương nhiên, các nhà nước ở Việt Nam trước cách mạng tháng Tám không phải là những nhà nước lập hiến. Nhưng, những chế định quyền lực, các tập quán chính trị, tâm lý chính trị của cả người cai trị và người bị trị được hình thành và ổn định trong các nhà nước cổ truyền vẫn còn di ảnh trong xã hội hiện đại và chi phối vô hình nhưng mạnh mẽ đến văn hoá lập hiến Việt Nam.

Điều trước tiên phải nói đến là di ảnh của các định chế nhà nước cổ truyền. Trước khi bước vào lập hiến, dân tộc ta đã từng sinh hoạt chính trị dưới các loại hình nhà nước: nhà nước đại diện công xã thời Hùng Vương; chính quyền đô hộ kiểu Trung Hoa; nhà nước phong kiến độc lập; chính quyền đô hộ của thực dân Pháp. Đây là những nhà nước không hiến pháp, nhưng cách thức tổ chức và điều hành quyền lực của chúng đã dần dần hình thành những dấu ấn trong đời sống chính trị dân tộc và tác động không nhỏ đến cách thức lập hiến của Việt Nam thời hiện đại.

Văn hoá lập hiến Việt Nam cũng phản ánh dư âm của những hệ tư tưởng cai trị, học thuyết chính trị làm bệ đỡ tư tưởng cho chính quyền nhà nước cổ truyền.

Ở nước ta, bệ đỡ tư tưởng cho các hệ thống chính trị đã tồn tại trong lịch sử bao gồm những học thuyết, những tư tưởng chính trị được tích hợp vào Việt Nam như Khổng giáo, Phật giáo, Đạo giáo (sản phẩm của sự Hán hoá, và Ấn hoá) và cả những đạo lý chính trị mang tính bản địa, không được hình thành bằng các học thuyết, chủ nghĩa nhưng luôn là cốt lõi cho bệ đỡ tư tưởng đó. Thậm chí nó còn là nhân tố chi phối các học thuyết, các tư tưởng ngoại lai phải thay đổi để phù hợp với đặc điểm dân tộc. Đó là chủ nghĩa yêu nước,

ý thức tự tôn dân tộc, truyền thống nhân ái, hoà đồng mang tính chất làng xã...³.

Văn hoá lập hiến Việt Nam cũng phản ánh các quy phạm đạo lý truyền thống của dân tộc. Đó là những chuẩn mực xã hội được hình thành trong một quá trình lâu dài của lịch sử dân tộc, được ngưng đọng lại trở thành những giá trị được cả cộng đồng thừa nhận nên khó biến đổi, khó mất đi. Do đó, nó có tác động rất lớn đến việc kiểm soát và điều hành các hành vi của mỗi thành viên trong cộng đồng.

Do đặc điểm của lịch sử, người Việt luôn luôn phải đối chọi với các thế lực ngoại bang để bảo tồn giống nòi. Những cuộc chiến tranh để giành và giữ độc lập dân tộc diễn ra khá thường xuyên nên thái độ đối với quyền lợi của dân tộc là một chuẩn mực của người Việt. "Không có gì quý hơn độc lập tự do", khẩu hiệu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra phản ánh đúng tâm thức của người Việt nên có một sức mạnh rất lớn trong việc kiểm soát hành vi của cộng đồng. Đây là một giá trị tinh thần được cả xã hội đề cao nên trải qua thử thách của thời gian đã trở thành một quy phạm đạo lý chính trị của Việt Nam.

Làng là một thiết chế xã hội cổ truyền của người Việt. Đó cũng là nơi hình thành và nuôi dưỡng những đạo lý, quy phạm xã hội của người Việt. Trọng tình, trọng nghĩa, tương thân, tương ái, hoà hợp cộng đồng chính là đạo lý muôn đời của Việt Nam.

Do đặc điểm của địa lý, người Việt phải chống thiên tai, địch họa, ngoại xâm để tồn tại. Sức mạnh giúp người Việt có thể vượt qua mọi trở lực để trường tồn chính là đoàn kết dân tộc. Đoàn kết dân tộc là một đạo lý của Việt Nam. Để duy trì khối đại đoàn kết dân tộc, người Việt có một quy phạm truyền thống là: quyền lợi của cá nhân phải phục tùng quyền lợi của cộng đồng, quyền lợi của cộng đồng nhỏ phải phục tùng quyền lợi của cộng đồng lớn, quyền lợi của dân tộc⁴.

³ Vũ Minh Giang, Quan hệ giữa các yếu tố truyền thống với hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Tạp chí Thông tin Lý luận, số 7, 1993, tr.8.

⁴ Vũ Minh Giang, Quan hệ giữa các yếu tố truyền thống với hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên

Trên đây là một số yếu tố của truyền thống chính trị có ảnh hưởng đến việc hình thành văn hoá lập hiến đương đại của Việt Nam. Bên cạnh đó, văn hoá chính trị xã hội chủ nghĩa- một yếu tố văn hoá hiện đại có ảnh hưởng to lớn đến việc ấn định các nguyên tắc tổ chức và điều hành chính quyền ở Việt Nam, góp phần hình thành những phong cách riêng của hiến pháp Việt Nam. Việc xây dựng hiến pháp dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác tạo cho hiến pháp Việt Nam có nét riêng. Từ cách quan niệm về hiến pháp, về nhà nước, đến các quan niệm về các nguyên tắc tổ chức chính quyền của chủ nghĩa Mác đều được phản chiếu trong Hiến pháp Việt Nam. Những yếu tố này tạo nên tính chất chủ nghĩa xã hội của văn hoá lập hiến Việt Nam.

II. PHÁC THẢO BA NÉT CHÂN DUNG VĂN HOÁ LẬP HIẾN VIỆT NAM

1. Tính dân tộc

60 năm tồn tại và phát triển, nhà nước cách mạng Việt Nam là một nhà nước thể hiện khối đại đoàn kết dân tộc, đại diện cho lợi ích của cả dân tộc. Các bản hiến pháp của Việt Nam đều thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ. Đó là một sự phản ánh, sự tiếp nối truyền thống đoàn kết dân tộc, tinh thần vì lợi ích của cả dân tộc trong lịch sử nước ta, tạo nên nét riêng trong cách thức tổ chức và điều hành quyền lực ở Việt Nam.

Một trong những hệ luận mà Giáo sư Vũ Minh Giang rút ra từ những đặc trưng của hệ thống chính trị Việt Nam là *tính đại diện quyền lợi của cộng đồng trội hơn, rõ nét hơn bảo vệ quyền lợi của giai cấp*⁵.

Nhà nước ban đầu của người Việt sinh ra từ xã hội và để giải quyết những vấn đề chung của cộng đồng: trị thủy hại, làm thủy lợi, tự vệ chống xâm lăng. Truyền thuyết và thư tịch cổ không phản ánh một sự hà khắc đậm nét nào của nhà nước thời Hùng Vương, ngược lại thường nói đến một thứ tích chất hoà hợp nội

chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tạp chí Thông tin Lý luận, số 7, 1993, tr.9.

⁵ Vũ Minh Giang, Những hệ luận rút ra từ các đặc trưng của hệ thống chính trị Việt Nam, Tạp chí Khoa học số 6, 1993, tr.12.

bộ tương đối, một đời sống yên ổn đùm bọc lẫn nhau. Câu ca dao “ *Rồng đen lấy nước được mùa, Rồng trắng lấy nước bắt vua đi cày*” có lẽ ra đời vào giai đoạn này phản ánh tính chất của quan hệ quyền lực: nhà cầm quyền không tách hẳn với đời sống cộng đồng, gắn với người dân lao động. Truyền thuyết cũng có nói đến việc vua tôi đi cày với dân.

Về sau này, các nhà nước phong kiến Việt Nam từ Ngô- Đinh- Tiền Lê đến Lý- Trần- Hậu Lê và cả Nguyễn Tây Sơn nữa, bên cạnh việc chăm lo đến lợi ích của tập đoàn cai trị luôn củng cố chỗ dựa dân tộc và thực sự xứng đáng là người đại diện cho lợi ích dân tộc như các nhà nghiên cứu lịch sử đã khẳng định. Có thể nói tính chất dân tộc của các triều đại phong kiến kể trên luôn có biểu hiện rõ nét hơn tính chất giai cấp của một nhà nước phong kiến như ta thường thấy của nhà nước khác⁶.

Thực vậy, các nhà nước cổ truyền Việt Nam, trừ một số trường hợp đặc biệt, đều quan tâm giải quyết những công việc hệ trọng của cả cộng đồng. Bên cạnh việc tổ chức kháng chiến chống giặc ngoại xâm, các nhà nước phong kiến đều phải giải quyết vấn đề *nước* cho sinh hoạt nông nghiệp trồng lúa nước của người Việt. Công việc đắp đê trị thủy là công việc mà các chính quyền phong kiến đều quan tâm. Từ năm 1248 nhà Trần đã đặt chức Hà đê sứ chuyên lo việc đắp đê, tu bổ và bảo vệ các đê.

Tính chất đại diện cộng đồng của nước biểu hiện trong nhà nước cổ truyền Việt Nam không chỉ ở việc nhà nước đứng ra giải quyết những vấn đề chung của cộng đồng mà còn ở việc nhà nước không đứng trên xã hội, không tách hẳn khỏi khối đa số, để quay trở lại trấn áp đa số.

Nhà nước cách mạng Việt Nam được thành lập sau cách mạng tháng Tám, về nguyên lý của chủ nghĩa Mác là nhà nước chuyên chính vô sản, tức nhà nước của giai cấp công nhân, dựa trên nền tảng liên minh công - nông, nhưng 60 năm tồn tại và phát

triển đã cho thấy: nhà nước cách mạng là người đại diện cho lợi ích của cả dân tộc.

Tinh thần đại diện dân tộc của nhà nước được phản chiếu trong hiến pháp. Một nguyên tắc đầu tiên được xác định để thiết lập nên nền công quyền theo Hiến pháp năm 1946 là: “Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo.” Điều 1 của bản Hiến pháp này cũng khẳng định: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Tinh thần đoàn kết, thống nhất dân tộc cũng được thể hiện trong Hiến pháp hiện hành. Điều 5 của Hiến pháp hiện hành ghi nhận: “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị chia rẽ dân tộc”.

Điều rõ nét nhất là ngay từ đầu Hiến pháp 1992 đã khẳng định: “Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa *của nhân dân, do nhân dân, và vì nhân dân.*” Đây là một sự tiếp nối logic từ truyền thống. Trong thực tiễn cách mạng của nhà nước Việt Nam trong 60 năm qua, những thành công trong cách mạng giải phóng dân tộc đã cho thấy tính ưu việt của truyền thống đoàn kết cộng đồng của văn hoá chính trị Việt Nam. Tuy nhiên, không chỉ phát huy trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay, truyền thống đoàn kết dân tộc vẫn cần tiếp tục được phát huy để tạo ra nội lực tổng hợp của đất nước.

2. Tập quyền

Tập quyền xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc cơ bản của việc tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam. Nội dung của nguyên tắc này được diễn đạt trong Điều 2 của Hiến pháp 1992: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, và tư pháp”. Hạt nhân hợp lý của nguyên tắc phân quyền là sự phân công quyền lực được tích hợp vào Việt Nam, còn ý tưởng kim chế đối

⁶ Vũ Minh Giang, *Quan hệ giữa các yếu tố truyền thống với hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Tạp chí Thông tin Lý luận, số 7, 1993, tr10.

trọng không được áp dụng. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam đề cao một xu hướng tập quyền- tập quyền xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa được áp dụng trong việc tổ chức quyền lực ở Việt Nam không chỉ được lý giải bởi tính hiện đại từ chủ nghĩa Mác. Bất cứ một hệ thống nào tồn tại được cũng phải có cơ tầng văn hoá- xã hội làm bệ đỡ cho nó. Nếu chỉ là ý muốn chủ quan của nhà cầm quyền thì nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa chưa chắc đã được người dân chấp nhận. Người dân chấp nhận sinh hoạt dưới một chính thể tập quyền (xã hội chủ nghĩa) vì nó phù hợp với truyền thống văn hoá của Việt Nam.

Nghiên cứu lịch sử Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIX, Giáo sư Vũ Minh Giang đã rút ra một đặc trưng của hệ thống chính trị thời kỳ này: *tập quyền là khuynh hướng chủ đạo*⁷. Bất cứ một chế độ phong kiến nào cũng không tránh khỏi khuynh hướng cát cứ. Nhà nước cổ truyền Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Tuy nhiên, trong cuộc đấu tranh giữa khuynh hướng cát cứ và khuynh hướng tập quyền thì khuynh hướng tập quyền đã chiến thắng và giữ vai trò chủ đạo. Cơ sở của hai khuynh hướng này đều là làng xã. Làng xã Việt Nam có "tính nước đôi". Nó vừa cục bộ, lại vừa cố kết. Chính vì tính nước đôi này của làng xã sinh ra tính lưỡng nguyên đối trọng của văn hoá chính trị Việt Nam: làng xã vừa là cơ sở cho khuynh hướng cát cứ vừa là cơ sở của khuynh hướng tập quyền. Cơ sở của sự thắng thế của khuynh hướng tập quyền của nhà nước cổ truyền Việt Nam là nhu cầu liên kết cộng đồng tạo thành sức mạnh tập trung để trị thủy hại, làm thủy lợi, và chống giặc ngoại xâm.

Các nhà nước cổ truyền Việt Nam đều là những nhà nước tập quyền. Nhà nước thời Hùng Vương sinh ra do nhu cầu về một cấu trúc quyền lực tập trung có sức mạnh, đại diện cho cộng đồng thực hiện các chức năng trị thủy, chống xâm lăng. Do đó khi mới ra đời nhà nước của người Việt đã là nhà nước tập quyền. Nhu cầu ứng phó với tự nhiên và tự

vệ chống ngoại xâm luôn thường trực đối với các chính quyền của người Việt cổ truyền. Cho nên, các nhà nước phong kiến Việt Nam đều là những nhà nước tập quyền. Theo giáo sư Vũ Minh Giang, các nhà nước phong kiến của Việt Nam đã trải qua ba hình thái tập quyền: tập quyền thân dân vào thế kỷ XI-XIII, tập quyền quan liêu vào thế kỷ XV, và tập quyền chuyên chế vào thế kỷ XIX⁸.

Tư duy cô lập, đối trọng quyền lực không phải là tư duy của người Việt. Trong một công trình của một tác giả người Pháp khi nghiên cứu tính cách người Việt Nam, ông đã đi đến một kết luận: người Việt Nam có tính cách "dung hoà" (compromis)⁹. Việt Nam có cả một truyền thống "hoà". Hoà là bản sắc văn hoá, là đặc thù của tâm lý dân tộc. Trong tam tài (thiên thời, địa lợi, nhân hoà), người Việt Nam hướng về tài nhân hoà. Người Việt nhìn quyền lực tồn tại trong một thế "hoà", thống nhất. Truyền thống "hoà" sinh ra cách tư duy luôn coi đối tượng như một chỉnh thể mà các bộ phận của nó hoà hợp với nhau, liên kết với nhau và liên kết với tổng thể. Với một truyền thống "hoà", thống nhất như thế, Việt Nam không thích hợp với tư duy cơ giới của học thuyết phân quyền, nhìn nhận quyền lực trong sự cô lập, tách biệt, chia rẽ, mâu thuẫn, chế ước lẫn nhau. Ngoài nhiều lý do khác nhau, một trong những lý do quan trọng khiến chúng ta không áp dụng hoàn toàn lý thuyết phân quyền là tư duy phân quyền không dung hợp được với tâm lý "hoà", phương thức tư duy chủ toàn¹⁰ của người Việt.

Như vậy, quyền lực của người Việt trong truyền thống đã được hành xử theo lối tập quyền. Đó là một cách thức hành xử quyền lực hợp lý, cần thiết trong bối cảnh xã hội của người Việt. Ngày nay chúng ta tiếp tục thực hiện nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa là

⁷ Vũ Minh Giang, *Những hệ luận rút ra từ các đặc trưng của hệ thống chính trị Việt Nam*, Tạp chí Khoa học số 6, 1993, tr4.

⁸ Vũ Minh Giang, *Lịch sử và hiện trạng hệ thống chính trị ở nước ta- một số vấn đề khoa học đang đặt ra*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 2, năm 1993, tr11.

⁹ Đỗ Long, *Tâm lý học dân tộc- nghiên cứu và thành tựu*. NXB Khoa học xã hội, H, 2001, tr 98.

¹⁰ Chữ dùng của cố giáo sư Cao Xuân Huy.

sự tiến đến một nền văn hoá chính trị hiện đại từ một nền văn hoá chính trị truyền thống.

3. Lãnh đạo tập thể

Do tâm thức trọng cộng đồng, lãnh đạo tập thể là một truyền thống của văn hoá chính trị Việt Nam. Nền quân chủ Việt Nam trong lịch sử có một loại thể chế đặc thù là lưỡng đầu chế, khác với chính thể quân chủ của Trung Quốc. Ngay từ thời Bắc thuộc, lưỡng đầu chế đã sớm ra đời với sự xuất hiện của hai nữ nguyên thủ quốc gia: Trưng Trắc, Trưng Nhị. Bước vào thời kỳ độc lập, dù ảnh hưởng tư tưởng tổ chức nhà nước của Trung Hoa với chủ thuyết quân chủ độc tôn, lưỡng đầu chế lại tái xuất hiện: sau vua cha- vua em là vua anh - vua em: Ngô Xương Văn và Ngô Xương Lập, rồi sau này ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ; vua cha- vua con với định chế Thái Thượng Hoàng: Trần, Hồ, Mạc. Những định chế lưỡng đầu này dựa trên cơ sở quan hệ tình cảm gia đình. Đến thời Lê trung hưng thì lưỡng đầu chế tồn tại trong một thời gian dài gần hai thế kỷ dựa trên những cơ sở pháp lý vua- chúa (vua Lê - chúa Trịnh) vững chắc và khá hoàn hảo.

Có ý kiến còn nhận xét rằng lưỡng đầu chế là một định chế cổ truyền của dân tộc Việt Nam ta. Bởi vậy, khi tình thế đòi hỏi, tiền nhân ta đã dễ dàng chấp nhận định chế này, chứ không ngỡ ngàng và chống đối mạnh mẽ như các dân tộc khác chỉ biết có cá nhân độc tôn¹¹. Định chế lưỡng đầu trong lịch sử nhà nước cổ truyền Việt Nam phản ánh tinh thần lãnh đạo tập thể của các vương triều phong kiến ở Việt Nam.

Tinh thần này tiếp tục được kế thừa trong tiến trình lập hiến Việt Nam. Có một sự bất gặp giữa truyền thống và hiện đại ở đây. Truyền thống chính trị Việt Nam đề cao lãnh đạo tập thể và chủ nghĩa xã hội cũng đề cao sự lãnh đạo tập thể. Chính vì vậy tính chất lãnh đạo tập thể được phản ánh rõ nét trong hiến pháp Việt Nam qua các quy định về các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Quốc hội là một cơ quan làm việc theo chế độ nghị hội. đương nhiên cơ quan này phải

vận hành theo cơ chế tập thể. Hiện nay, ở nước ta, những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải được thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Hình thức hoạt động chính của Quốc hội nước ta là thông qua các kỳ họp. Điều này thể hiện tính đặc thù của sinh hoạt chính trị ở Việt Nam. Đặc thù là vì quan sát nghị viện của nhiều nước trên thế giới cho thấy: hình thức hoạt động chính của nghị viện không phải là phiên họp toàn thể mà chính là ở các uỷ ban chuyên môn, còn phiên họp toàn thể chỉ là phiên trình diễn. Chính điều này làm cho việc làm luật có tính chuyên môn cao, làm cho luật và cuộc sống gần nhau, luật ra đời được cuộc sống chấp nhận. Phải chăng sự cách biệt giữa luật và đời sống ở Việt Nam có nguồn cội từ cách làm việc tập thể tại hội trường của Quốc hội. Những quy tắc sinh hoạt của người dân trong từng lĩnh vực cụ thể được quyết bởi 500 con người thuộc mọi thành phần, mọi trình độ, mọi tầng lớp, trong khi đa số là làm việc kiêm nhiệm? Các uỷ ban chuyên môn ở nước ta chưa phải là "công xưởng" của Quốc hội. Hơn nữa, các Uỷ ban quá ít. Có những uỷ ban ôm quá nhiều vấn đề: ví dụ, Uỷ ban các vấn đề xã hội; Uỷ ban văn hoá, giáo dục, thanh niên, thiếu niên, và nhi đồng...

Các quy định của hiến pháp về Chính phủ cũng cho thấy tinh thần lãnh đạo tập thể được phản chiếu trong hiến pháp. Điều 115 quy định: "Những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của chính phủ phải được thảo luận tập thể và quyết định theo đa số". Gần như tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ phải được thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Chính phủ là một cơ quan hàng ngày hàng giờ tương tác với xã hội. Điều này làm cho quyền hành pháp có bản tính là *quyết đoán và dám chịu trách nhiệm*¹². Chính bản tính này mà việc đảm nhiệm quyền hành pháp thường gắn với vai trò của một cá nhân. Hiến pháp Mỹ trao trọn quyền hành pháp cho Tổng thống. Nhiều hiến pháp của các nước đại nghị cũng xác định vai trò của Thủ tướng Chính

¹¹ Lê Kim Ngân, *Văn hoá chính trị Việt Nam-Chế độ chính trị Việt Nam thế kỷ XVII- XVIII*, Phân khoa khoa học xã hội - Viện Đại học Vạn Hạnh ấn hành, 1974.

¹² Xem: Nguyễn Đăng Dung, *Tính nhân bản của hiến pháp và bản tính của các cơ quan nhà nước*, NXB Tư pháp, H, 2004.

phủ trong việc thiết kế chính sách. Ví dụ, Điều 65 Hiến pháp của Cộng hoà Liên bang Đức quy định: "Thủ tướng liên bang có quyền xác định những định hướng chính trị cơ bản của đất nước và phải chịu trách nhiệm về định hướng chính trị này". Điều 95 Hiến pháp Italia cũng quy định: "Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng lãnh đạo chính sách chung của Chính phủ và phải chịu trách nhiệm về chính sách của Chính phủ".

Với một tinh thần lãnh đạo tập thể, Hiến pháp Việt Nam không xác định vai trò của Thủ tướng Chính phủ trong việc hoạch định chính sách quốc gia và chịu trách nhiệm về chính sách đó¹³. Thẩm quyền của Chính phủ khá hạn hẹp: chỉ bó trong việc điều hành chính phủ, nhân sự, và giám sát văn bản. Trong khi quyền hành pháp là quyền thiết kế chính sách cho quốc gia thì vị nguyên thủ hành pháp ở nước ta chưa được quy định vai trò này, thay vì trao cho tập thể chính phủ.

Quyền lực đi đôi với trách nhiệm. Vì Thủ tướng không được quy định là người có vai trò thiết kế chính sách nên vấn đề trách nhiệm của Thủ tướng về đường lối hoạt động của Chính phủ cũng không được minh định. Lãnh đạo tập thể dẫn đến trách nhiệm chung chung. Điều rõ thấy nhất là mặc dù hiến pháp quy định Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội nhưng lại không quy định một cơ chế trách nhiệm nào: phê bình hay giải tán...? Quyền lực của cá nhân không được xác định rõ nên trách nhiệm của cá nhân cũng mập mờ. Thực tiễn của đời sống hành pháp cho thấy rõ điều này nếu ta quan sát và bình luận về các hiện trạng: giáo dục xuống cấp trầm trọng, giá thuốc tăng, tai nạn, ùn tắc giao thông, mất điện.... Người ta có thể đặt ra câu hỏi về trách nhiệm cá nhân của Bộ trưởng các bộ: Giáo dục và đào tạo, Y tế, Giao thông vận tải, Công nghiệp.

Tinh thần lãnh đạo tập thể trong hành pháp còn có thể nhận thấy ở việc tồn tại khá nhiều Phó Thủ tướng. Thủ tướng là người điều hành các Bộ trưởng. Mỗi Bộ lại phụ

trách một ngành, lĩnh vực. Đồng thời lại có các Phó Thủ tướng phụ trách một khối Bộ. Như vậy, nếu việc điều hành quốc gia có vấn đề thì trách nhiệm sẽ càng khó xác định: Bộ trưởng hay Phó Thủ tướng, hay Thủ tướng...? Điều này chính là phản ánh tinh thần lãnh đạo tập thể và trách nhiệm tập thể từ truyền thống: *lắm sãi không ai đóng cửa chùa*.

Về Nguyên thủ quốc gia ta có thể nhận thấy một số thẩm quyền đáng lẽ phải trao cho Nguyên thủ quốc gia nhưng lại trao cho những cơ quan hoạt động tập thể¹⁴.

Về tư pháp, ta thấy xét xử tập thể là một nguyên tắc trong hoạt động của toà án. Một phán quyết của toà án sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền và tự do của con người nên phải quyết định tập thể để bảo đảm sự cẩn trọng. Điều này là hợp lý. Xét xử tập thể phản ánh tinh thần tập thể của văn hoá lập hiến Việt Nam. Tuy nhiên, không phải lúc nào hoạt động xét xử cũng cần xét xử tập thể. Đối với những vụ án đơn giản, tình tiết rõ ràng thì việc xét xử tập thể nhiều khi thành thừa, mất công, mất sức, mất thời gian. Một chế độ độc phán là lựa chọn của nhiều quốc gia để giải quyết những vụ việc như vậy.

Văn hoá lập hiến Việt Nam đang dần dần hình thành với sắc diện riêng-sản phẩm của sự gặp gỡ giữa truyền thống và hiện đại: văn hoá chính trị cổ truyền của dân tộc và tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, phải nhận thấy rằng: truyền thống không phải chỉ những thứ tốt. Truyền thống cho ta cả di sản lẫn "di căn". Vấn đề là phải khuyến trương di sản và khắc chế di căn. Văn hoá là giao lưu. Một nền văn hoá không giao lưu sẽ có nguy cơ là một nền văn hoá chết (ví dụ tình trạng văn hoá của tộc người Chứt ở Việt Nam). Để tạo dựng một nền văn hoá lập hiến tiên tiến không chỉ bó mình trong hiện tồn, mà cần phải nhìn ra và tham khảo những nền văn hoá lập hiến hiện tồn trên thế giới.

¹³ Nhưng điều này lại có trong Hiến pháp Việt Nam năm 1946 (?)

¹⁴ Xem cụ thể: Bùi Ngọc Sơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh và thiết chế Chủ tịch nước ở Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5, năm 2005.